| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÙ LAO DUNG**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày 12-7-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLST- DS, ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc Đình H – Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng "có mặt".

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 40/QĐ-STG, ngày 06 tháng 9 năm 2021).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm: 1968 "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Trần Ngọc Đình H trình bày:

Vào ngày 22/7/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh S và ông Nguyễn Thái H có ký hợp đồng tín dụng số: T15004/002; số tiền vay: 70.000.000 đồng; lãi suất: 8,4%/năm (lãi quá hạn 12,6%/năm); thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 22/7/2015 đến ngày 22/7/2018); mục đích vay: tiêu dùng; hình thức vay: vay góp; lãi tính theo dư nợ ban đầu; biện pháp bảo đảm: tín chấp.

Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông H nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó ông H có trả tiền cho Ngân hàng nhiều lần đến ngày 21/7/2021 tổng cộng là 48.700.000 đồng (trong đó trả tiền vay gốc là 36.686.769 đồng và tiền lãi là 12.013.231 đồng), còn lại số tiền vay gốc là 33.313.231 đồng từ ngày 21/7/2021 cho đến nay ông H không hoàn trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay gốc còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thái H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số nợ gốc là 33.313.231 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 27.763.200 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 61.076.431 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2022 đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 33.313.231 đồng.

* Tại biên bản lấy lời khai đương sự của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung ông Nguyễn Thái H trình bày.

Vào ngày 22/7/2015 ông Nguyễn Thái H và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh S có ký hợp đồng tín dụng số: T15004/002; số tiền vay: 70.000.000 đồng; lãi suất: 8,4%/năm (lãi quá hạn 12,6%/năm); thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 22/7/2015 đến ngày 22/7/2018); mục đích vay: tiêu dùng; hình thức vay: vay góp; lãi tính theo dư nợ ban đầu; biện pháp bảo đảm: tín chấp.

Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông H nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó ông H có trả tiền cho Ngân hàng nhiều lần đến ngày 21/7/2021 tổng cộng là 48.700.000 đồng (trong đó trả tiền vay gốc là 36.686.769 đồng và tiền lãi là 12.013.231 đồng), còn nợ lại Ngân hàng số tiền vay gốc là 33.313.231 đồng. Do ông H không có khả năng trả nợ, nên từ đó đến nay ông H chưa hoàn trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ông H thống nhất hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc ông H còn nợ là 33.313.231 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng. Nhưng do hiện nay ông H bị bệnh, không có tài sản, nên không hẹn thời gian trả nợ cho Ngân hàng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân

theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thái H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 61.076.431 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2022 đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 33.313.231 đồng.

Xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 61.076.431 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2022 đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 33.313.231 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2021 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng kiện bị đơn là ông Nguyễn Thái H, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái H (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ tiền vay theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Nguyễn Thái H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì

vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Nguyễn Thái H cùng trình bày: vào ngày 22/7/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh S và anh Nguyễn Thái H đã ký hợp đồng tín dụng số T15004/002, nội dung hợp đồng là Ngân hàng cho ông H vay số tiền gốc là 70.000.000 đồng, với lãi suất 8,4%/năm (lãi quá hạn 12,6%/năm); thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 22/7/2015 đến ngày 22/7/2018); mục đích vay là tiêu dùng; hình thức vay là vay trả góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu; biện pháp bảo đảm là vay tín chấp. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông H nhận đủ số tiền vay là 70.000.000 đồng, sau đó ông H có trả tiền cho Ngân hàng nhiều lần đến ngày 21/7/2021 tổng cộng là 48.700.000 đồng (trong đó trả tiền vay gốc là 36.686.769 đồng và tiền lãi là 12.013.231 đồng), còn lại số tiền vay gốc là 33.313.231 đồng từ ngày 21/7/2021 cho đến nay ông H không hoàn trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

[2.2] Về nội dung và hình thức của hợp đồng: ông Nguyễn Thái H trực tiếp ký tên vào hợp đồng vay số T15004/002, ngày 22/7/2015, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã giải ngân cho ông H nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, vì vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

[2.3] Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] Xét về yêu cầu trả tiền nợ gốc 33.313.231 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

[3.1] Ông Nguyễn Thái H thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc 33.313.231 đồng và tiền lãi phát sinh, nên đây là tình tiết Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 61.076.431 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2022 đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 33.313.231 đồng.

Xét thấy: ông Nguyễn Thái H đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay theo giao kết trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc ông H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 61.076.431 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2022 đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn trên số tiền gốc là 33.313.231 đồng.

[3] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Nguyễn Thái H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.053.821 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.422.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009033 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Nguyễn Thái H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2022 là 61.076.431 đồng *(sáu mươi mốt triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi mốt đồng).*

Kể từ ngày 13/7/2022 ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là 33.313.231 đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thái H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.053.821 đồng *(ba triệu không trăm năm mươi ba ngàn tám trăm hai mươi mốt đồng)*; Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.422.000 đồng *(một triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009033 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Thái H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Liên Lâm Anh Thảo**